ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ — **HỌC KỲ** 3
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100 — **TÍN CHỈ** 1
Ngày thi: 08/10/2011 — **LẦN THI** 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15		30						55	100		
1	**152212624**	TRƯƠNG THANH	**PHƯƠNG**	K16XDD1	6		6						5	**5.5**	Naêm phaåy Naêm	
2	**152212670**	NGUYỄN TRÍ	**HÀ**	K16XDD1	8		8						7.8	**7.9**	Baûy phaåy Chín	
3	**152316364**	NGUYỄN VĂN	**VỸ**	K16XDD1	8		5						5.3	**5.6**	Naêm phaåy Saùu	
4	**152336228**	BÙI VIỆT	**TÂN**	K16XDD1	6		6						5	**5.5**	Naêm phaåy Naêm	
5	**162213213**	NGUYỄN ĐỨC	**BÌNH**	K16XDD1	6		6						3.3	**0.0**	Khäng	
6	**162213216**	NGUYỄN TUẤN	**ĐĂNG**	K16XDD1	8		8						6.3	**7.1**	Baûy phaåy Maät	
7	**162213218**	NGUYỄN TRUNG	**ĐỘ**	K16XDD1	10		9.5						8.3	**8.9**	Taïm phaåy Chín	
8	**162213221**	NGÔ LÊ MINH	**ĐỨC**	K16XDD1	10		6						5.8	**6.5**	Saùu phaåy Naêm	
9	**162213223**	ĐOÀN VĂN	**DUY**	K16XDD1	10		6.5						4.8	**6.1**	Saùu phaåy Maät	
10	**162213227**	NGUYỄN VĂN	**HẢI**	K16XDD1	10		9						7.5	**8.3**	Taïm phaåy Ba	
11	**162213228**	NGUYỄN ĐÌNH	**HẠNH**	K16XDD1	10		8						6.5	**7.5**	Baûy phaåy Naêm	
12	**162213233**	TRẦN LÊ	**HIẾU**	K16XDD1	6		5.5						5.8	**5.7**	Naêm phaåy Baûy	
13	**162213238**	NGUYỄN VĂN	**HOÀNG**	K16XDD1	10		6						5.5	**6.3**	Saùu phaåy Ba	
14	**162213241**	NGUYỄN VĂN	**HOÀNG**	K16XDD1	8		7.5						6.8	**7.2**	Baûy phaåy Hai	
15	**162213247**	TRẦN ĐỨC	**HÙNG**	K16XDD1	8		8						6	**6.9**	Saùu phaåy Chín	
16	**162213250**	LÊ THẾ	**HUY**	K16XDD1	8		6.5						3.3	**0.0**	Khäng	
17	**162213253**	ĐỖ HỮU	**KHANG**	K16XDD1	8		8.5						6.8	**7.5**	Baûy phaåy Naêm	
18	**162213255**	TRẦN PHƯỚC	**LỊCH**	K16XDD1	10		4						6.5	**6.3**	Saùu phaåy Ba	
19	**162213258**	LÊ DUY	**LỘC**	K16XDD1	10		5						7	**6.9**	Saùu phaåy Chín	
20	**162213263**	ĐẶNG NGỌC	**LONG**	K16XDD1	10		9.5						9.5	**9.6**	Chín phaåy Saùu	
21	**162213267**	HỒ THĂNG	**MINH**	K16XDD1	6		7.5						4.3	**5.5**	Naêm phaåy Naêm	
22	**162213270**	VÕ TRUNG	**NGHĨA**	K16XDD1	10		7.5						8.3	**8.3**	Taïm phaåy Ba	
23	**162213273**	NGUYỄN THỊ HỒNG	**NGỌC**	K16XDD1	10		9						5	**7.0**	Baûy	
24	**162213277**	TRẦN LỆ	**NINH**	K16XDD1	10		6.5						8.8	**8.3**	Taïm phaåy Ba	
25	**162213281**	NGUYỄN VIỆT	**PHƯƠNG**	K16XDD1	8		4.5						8.3	**7.1**	Baûy phaåy Maät	
26	**162213284**	LÊ THẾ	**QUÂN**	K16XDD1	8		7.5						8.8	**8.3**	Taïm phaåy Ba	
27	**162213287**	HOÀNG THANH	**QUANG**	K16XDD1	6		6						V	**0.0**	Khäng	
28	**162213291**	NGUYỄN THANH	**SAN**	K16XDD1	8		7						7.8	**7.6**	Baûy phaåy Saùu	
29	**162213301**	ĐOÀN VĂN	**THANH**	K16XDD1	10		9.5						9.3	**9.5**	Chín phaåy Naêm	
30	**162213304**	LÊ TRUNG	**THÀNH**	K16XDD1	10		8.5						9.3	**9.2**	Chín phaåy Hai	
31	**162213307**	LÊ MINH	**THIỆN**	K16XDD1	4		7						6.3	**6.2**	Saùu phaåy Hai	
32	**162213310**	VÕ ĐĂNG	**THỨ**	K16XDD1	10		6.5						8.3	**8.0**	Taïm	
33	**162213314**	HOÀNG VĂN	**THƯỜNG**	K16XDD1	10		8						8	**8.3**	Taïm phaåy Ba	
34	**162213317**	PHAN MINH	**TIẾN**	K16XDD1	8		4.5						8	**7.0**	Baûy	
35	**162213328**	HỒ VĂN	**TRUNG**	K16XDD1	10		7.5						6.8	**7.5**	Baûy phaåy Naêm	
36	**162213331**	HOÀNG NGỌC	**TRƯỜNG**	K16XDD1	10		8						8	**8.3**	Taïm phaåy Ba	
37	**162213337**	DƯƠNG ANH	**TUẤN**	K16XDD1	6		8						5.8	**6.5**	Saùu phaåy Naêm	
38	**162213339**	VĂN HỮU	**TUẤN**	K16XDD1	4		3.5						6	**5.0**	Naêm	
39	**162213341**	TRẦN VĂN	**TUẤN**	K16XDD1	10		9						7.8	**8.5**	Taïm phaåy Naêm	
40	**162213342**	NGÔ VIẾT	**TUẤN**	K16XDD1	10		7						5	**6.4**	Saùu phaåy Baún	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ — HỌC KỲ 3
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100 — TÍN CHỈ 1
Ngày thi: 08/10/2011 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15		30						55	100		
41	162213345	NGUYỄN TRÍ	TUẤN	K16XDD1	10		4.5						6.8	6.6	Saü pháy Saü	
42	162213350	TRƯƠNG CÔNG	VŨ	K16XDD1	6		6.5						4.8	5.5	Naêm pháy Naêm	
43	162213354	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	8		7						4	5.5	Naêm pháy Naêm	
44	162216501	NGÔ TRÍ	NGUYÊN	K16XDD1	8		7.5						5.3	6.4	Saü pháy Baùu	
45	162216630	TRẦN THÁI	BẢO	K16XDD1	8		7						5.3	6.2	Saü pháy Hai	
46	162216705	NGUYỄN VĨNH	AN	K16XDD1	10		9.5						7.5	8.5	Taùm pháy Naêm	
47	162216913	PHAN VĂN	PHÁT	K16XDD1	8		5.5						2.8	0.0	Khäng	
48	162217004	NGUYỄN LƯƠNG TUẤ	ANH	K16XDD1	6		5.5						5.3	5.5	Naêm pháy Naêm	
49	162217346	BẠCH THANH	QUÍ	K16XDD1	8		9.5						8.3	8.6	Taùm pháy Saü	
50	162524298	ĐỒNG PHƯỚC	NHÀN	K16XDD1	10		9.5						8.5	9.0	Chên	
51	152212614	TRƯƠNG QUỐC	BÔNG	K16XDD1	8		4						4	4.6	Baùu pháy Saü	
52	152212703	LÊ ANH	VŨ	K16XDD1	6		0						V	0.0	Khäng	
53	162163166	NGUYỄN MINH	HẢI	K16XDD2	10		8.5						7.8	8.3	Taùm pháy Ba	
54	162213210	NGUYỄN THANH	BÌNH	K16XDD2	6		0						5.8	4.1	Baùu pháy Maùu	
55	162213217	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16XDD2	10		6						4	5.5	Naêm pháy Naêm	
56	162213219	LÊ NHẬT CÔNG	ĐOAN	K16XDD2	10		8.5						7.3	8.1	Taùm pháy Maùu	
57	162213225	TRẦN KHÁNH	DUY	K16XDD2	10		8.5						8.3	8.6	Taùm pháy Saü	
58	162213229	NGUYỄN VĂN	HẢO	K16XDD2	10		8						6.3	7.4	Baáy pháy Baùu	
59	162213237	PHAN ĐÌNH	HOÀNG	K16XDD2	6		6.5						4.8	5.5	Naêm pháy Naêm	
60	162213239	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD2	10		8.5						8.8	8.9	Taùm pháy Chên	
61	162213243	TRƯƠNG QUANG	HÙNG	K16XDD2	0		0						HP	0.0	Khäng	
62	162213252	THÁI	HUY	K16XDD2	10		5.5						6.5	6.7	Saü pháy Baáy	
63	162213256	TRẦN HOÀNG	LINH	K16XDD2	10		7.5						4	6.0	Saü	
64	162213259	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	K16XDD2	6		5.5						7	6.4	Saü pháy Baùu	
65	162213262	NGUYỄN ĐẠI	LONG	K16XDD2	8		5.5						5	5.6	Naêm pháy Saü	
66	162213266	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	K16XDD2	10		6.5						5.8	6.6	Saü pháy Saü	
67	162213269	NGUYỄN HOÀNG	NAM	K16XDD2	8		3.5						4.3	4.6	Baùu pháy Saü	
68	162213271	HOÀNG NGUYỄN	NGỌC	K16XDD2	8		7.5						5	6.2	Saü pháy Hai	
69	162213274	HUỲNH BÁ	NGUYÊN	K16XDD2	8		7						5.8	6.5	Saü pháy Naêm	
70	162213278	TRẦN THANH	PHÁP	K16XDD2	8		5						2.3	0.0	Khäng	
71	162213279	LƯU VŨ TẤN	PHONG	K16XDD2	8		7.5						7.3	7.5	Baáy pháy Naêm	
72	162213283	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	K16XDD2	10		5.5						7.5	7.3	Baáy pháy Ba	
73	162213288	NGUYỄN THƯỢNG	QUỐC	K16XDD2	8		5						9	7.7	Baáy pháy Baáy	
74	162213293	NGÔ TRƯỜNG	SINH	K16XDD2	10		9.5						7.5	8.5	Taùm pháy Naêm	
75	162213298	THÁI VĂN	THẠCH	K16XDD2	10		7.5						5.8	6.9	Saü pháy Chên	
76	162213300	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	K16XDD2	10		7						7	7.5	Baáy pháy Naêm	
77	162213302	LÊ VĂN	THANH	K16XDD2	10		6.5						4	5.7	Naêm pháy Baáy	
78	162213305	NGUYỄN TẤN	THÀNH	K16XDD2	10		6						8	7.7	Baáy pháy Baáy	
79	162213308	NGUYỄN HỮU	THỜI	K16XDD2	8		4.5						3.8	0.0	Khäng	
80	162213313	NGUYỄN QUANG	THƯƠNG	K16XDD2	10		5.5						5.5	6.2	Saü pháy Hai	
81	162213315	HÀ TRỌNG	THUỶ	K16XDD2	8		5						5.5	5.7	Naêm pháy Baáy	
82	162213319	NGUYỄN PHÚC ANH	TOÀN	K16XDD2	8		7						9	8.3	Taùm pháy Ba	
83	162213327	NGÔ VĂN	TRUNG	K16XDD2	10		3						6.5	6.0	Saü	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ — HỌC KỲ 3
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100 — TÍN CHỈ 1
Ngày thi: 08/10/2011 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15		30						55	100		
84	**162213330**	NGUYỄN ĐỨC	**TRƯỜNG**	K16XDD2	10		7						6	**6.9**	Saùu phaåy Chín	
85	**162213333**	PHẠM MINH	**TUẤN**	K16XDD2	8		8						6.3	**7.1**	Baíy phaåy Maùt	
86	**162213340**	NGUYỄN HOÀNG	**TUẤN**	K16XDD2	10		5.5						5.3	**6.1**	Saùu phaåy Maùt	
87	**162213343**	LÃ ANH	**TUẤN**	K16XDD2	10		4.5						5.5	**5.9**	Naêm phaåy Chín	
88	**162213346**	ĐOÀN VĂN	**TÙNG**	K16XDD2	10		6.5						6	**6.8**	Saùu phaåy Taùm	
89	**162213347**	TRẦN HOÀNG	**VIỆT**	K16XDD2	6		6.5						7	**6.7**	Saùu phaåy Baíy	
90	**162213349**	VÕ ĐÌNH	**VŨ**	K16XDD2	6		8						5.8	**6.5**	Saùu phaåy Naêm	
91	**162213352**	PHAN TUẤN	**VŨ**	K16XDD2	10		10						8.5	**9.2**	Chín phaåy Hai	
92	**162213357**	TRẦN VĂN	**VƯƠNG**	K16XDD2	10		9.5						7.5	**8.5**	Taùm phaåy Naêm	
93	**162216429**	LÊ VĂN	**DUNG**	K16XDD2	8		3.5						HP	**0.0**	Khäng	
94	**162216497**	VÕ ĐỨC	**ANH**	K16XDD2	10		4						5.5	**5.7**	Naêm phaåy Baíy	
95	**162216500**	HOÀNG LÊ SÔNG	**HIẾU**	K16XDD2	10		7						9.3	**8.7**	Taùm phaåy Baíy	
96	**162216831**	NGUYỄN	**CHIẾN**	K16XDD2	8		9						7	**7.8**	Baíy phaåy Taùm	
97	**162217174**	NGUYỄN ĐỨC	**ANH**	K16XDD2	10		9						9.5	**9.4**	Chín phaåy Bäún	
98	**162217175**	PHẠM THÁI	**PHƯƠNG**	K16XDD2	8		5						HP	**0.0**	Khäng	
99	**162217253**	HOÀNG	**BI**	K16XDD2	10		6.5						5.3	**6.4**	Saùu phaåy Bäún	
100	**162223392**	TRẦN TUẤN	**KHANH**	K16XDD2	10		8.5						9.3	**9.2**	Chín phaåy Hai	
101	**162314532**	NGUYỄN THỊ KIM	**CHI**	K16XDD2	10		7						9	**8.6**	Taùm phaåy Saùu	
102	**162113017**	THÁI ĐẠI	**LỰC**	K16XDD3	10		7.5						8.8	**8.6**	Taùm phaåy Saùu	
103	**162163164**	LÊ ĐÌNH	**ĐIỆP**	K16XDD3	6		6.5						5.8	**6.0**	Saùu	
104	**162213206**	NGUYỄN HOÀNG	**ANH**	K16XDD3	4		0						6.3	**4.1**	Bäún phaåy Maùt	
105	**162213207**	ĐÀO NGUYÊN	**BÁ**	K16XDD3	10		6						3.5	**0.0**	Khäng	
106	**162213209**	VÕ ĐĂNG	**BÃO**	K16XDD3	6		5						5	**5.2**	Naêm phaåy Hai	
107	**162213211**	NGUYỄN THANH	**BÌNH**	K16XDD3	10		7						3	**0.0**	Khäng	
108	**162213214**	TRẦN THANH	**CẢNH**	K16XDD3	10		7.5						8	**8.2**	Taùm phaåy Hai	
109	**162213215**	TRẦN ĐÌNH	**CHỈNH**	K16XDD3	10		9.5						8.8	**9.2**	Chín phaåy Hai	
110	**162213220**	NGUYỄN ĐỨC	**DOANH**	K16XDD3	10		5						7.3	**7.0**	Baíy	
111	**162213222**	NGUYỄN HỮU THANH	**DŨNG**	K16XDD3	10		9.5						7.5	**8.5**	Taùm phaåy Naêm	
112	**162213226**	NGUYỄN QUANG	**GIỚI**	K16XDD3	10		8						6.8	**7.6**	Baíy phaåy Saùu	
113	**162213231**	HOÀNG TRUNG	**HIỂN**	K16XDD3	10		7.5						5.8	**6.9**	Saùu phaåy Chín	
114	**162213232**	LƯU CÔNG	**HIẾU**	K16XDD3	10		8						5.5	**6.9**	Saùu phaåy Chín	
115	**162213240**	NGUYỄN NGỌC	**HOÀNG**	K16XDD3	8		9						HP	**0.0**	Khäng	
116	**162213242**	BẠC CẨM THÁI	**HOÀNG**	K16XDD3	10		6						3	**0.0**	Khäng	
117	**162213249**	PHẠM ĐẮC	**HƯNG**	K16XDD3	8		7						3.8	**0.0**	Khäng	
118	**162213251**	TỪ SỸ	**HUY**	K16XDD3	10		7						5.5	**6.6**	Saùu phaåy Saùu	
119	**162213254**	TRẦN VƯƠNG	**KHIẾT**	K16XDD3	10		7.5						6.5	**7.3**	Baíy phaåy Ba	
120	**162213257**	NGUYỄN ĐÌNH	**LĨNH**	K16XDD3	10		7						4.8	**6.2**	Saùu phaåy Hai	
121	**162213260**	NGUYỄN THANH	**LONG**	K16XDD3	10		6.5						5.3	**6.4**	Saùu phaåy Bäún	
122	**162213265**	NGUYỄN VĂN	**LUÂN**	K16XDD3	6		0						2.5	**0.0**	Khäng	
123	**162213268**	TRẦN HẢI	**NAM**	K16XDD3	8		5						4.3	**5.1**	Naêm phaåy Maùt	
124	**162213272**	NGUYỄN PHƯỚC BẢO	**NGỌC**	K16XDD3	6		8						4.5	**5.8**	Naêm phaåy Taùm	
125	**162213275**	LÊ BÁ	**NGUYÊN**	K16XDD3	10		7						3.5	**0.0**	Khäng	
126	**162213276**	HỒ TẤN	**NHIÊN**	K16XDD3	4		5						3	**0.0**	Khäng	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ — HỌC KỲ 3
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100 — TÍN CHỈ 1
Ngày thi: 08/10/2011 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15		30						55	100		
127	**162213280**	BÙI VĂN	**PHÚ**	K16XDD3	8		5						3.8	**0.0**	*Khäng*	
128	**162213282**	TRẦN HỮU	**PHƯƠNG**	K16XDD3	8		5						4.5	**5.2**	*Nàm pháy Hai*	
129	**162213285**	ĐẶNG PHƯƠNG	**QUANG**	K16XDD3	4		7						1.3	**0.0**	*Khäng*	
130	**162213289**	NGUYỄN BÁ MINH	**QUỐC**	K16XDD3	10		9						5.3	**7.1**	*Baíy pháy Mäüt*	
131	**162213294**	PHAN XUÂN	**SINH**	K16XDD3	4		6						2	**0.0**	*Khäng*	
132	**162213295**	PHAN XUÂN	**SƠN**	K16XDD3	6		3.5						1.8	**0.0**	*Khäng*	
133	**162213296**	ĐINH TRỌNG	**TÂM**	K16XDD3	10		7.5						8	**8.2**	*Taïm pháy Hai*	
134	**162213299**	NGUYỄN VĂN	**THẠCH**	K16XDD3	10		7.5						6.3	**7.2**	*Baíy pháy Hai*	
135	**162213303**	LÊ CHÍ	**THÀNH**	K16XDD3	0		0						HP	**0.0**	*Khäng*	
136	**162213309**	NGUYỄN HOÀNH	**THỐNG**	K16XDD3	10		8						7.8	**8.2**	*Taïm pháy Hai*	
137	**162213311**	TRẦN QUỐC	**THƯƠNG**	K16XDD3	0		0						HP	**0.0**	*Khäng*	
138	**162213316**	TRẦN DIỄN	**THUYẾT**	K16XDD3	6		7						3.5	**0.0**	*Khäng*	
139	**162213318**	NGUYỄN DUY	**TOÀN**	K16XDD3	10		6.5						7	**7.3**	*Baíy pháy Ba*	
140	**162213326**	TƯỞNG XUÂN	**TRÚC**	K16XDD3	10		8						6	**7.2**	*Baíy pháy Hai*	
141	**162213329**	ĐÀO HỮU	**TRƯỜNG**	K16XDD3	8		7						7	**7.2**	*Baíy pháy Hai*	
142	**162213332**	NGUYỄN NGỌC	**TÚ**	K16XDD3	6		5						4.8	**5.0**	*Nàm*	
143	**162213335**	PHẠM MAI QUANG	**TUẤN**	K16XDD3	10		6.5						4.3	**5.8**	*Nàm pháy Taïm*	
144	**162213336**	NGUYỄN ANH	**TUẤN**	K16XDD3	8		7.5						5	**6.2**	*Saïu pháy Hai*	
145	**162213338**	TRẦN ANH	**TUẤN**	K16XDD3	10		8.5						7.3	**8.1**	*Taïm pháy Mäüt*	
146	**162213344**	MAI ĐỨC	**TUẤN**	K16XDD3	10		6						8.3	**7.9**	*Baíy pháy Chên*	
147	**162213351**	TRẦN TUẤN	**VŨ**	K16XDD3	10		9						6.5	**7.8**	*Baíy pháy Taïm*	
148	**162213353**	NGUYỄN QUANG	**VŨ**	K16XDD3	10		6						6.3	**6.8**	*Saïu pháy Taïm*	
149	**162213355**	ĐỖ MINH	**VƯƠNG**	K16XDD3	4		5						4.8	**4.7**	*Bäún pháy Baíy*	
150	**162216808**	NGUYỄN LÂM	**TÙNG**	K16XDD3	6		9						5.5	**6.6**	*Saïu pháy Saïu*	
151	**162217085**	NGUYỄN DUY	**THÁI**	K16XDD3	6		6.5						4.8	**5.5**	*Nàm pháy Nàm*	
152	**162217572**	NGUYỄN HOÀNG THIÊ	**NHÂN**	K16XDD3	10		7.5						9.3	**8.9**	*Taïm pháy Chên*	
153	**162217670**	NGUYỄN TUẤN	**TRUNG**	K16XDD3	0		0						HP	**0.0**	*Khäng*	
154	**162223374**	HUỲNH NGỌC	**HẠNH**	K16XDD3	10		8.5						4	**6.3**	*Saïu pháy Ba*	
155	**162333778**	NGUYỄN VĂN	**QUANG**	K16XDD3	8		10						3	**0.0**	*Khäng*	
1	**4161**	NGUYỄN TIẾN	**TRÌNH**	K14TPM2	9		7.5						3.5	**0.0**	*Khäng*	TG
	152132006	NGUYỄN TƯ	**HIẾU**	K16XDD1	6		0							**0.0**	*Khäng*	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	128	82%	
2	Số sinh viên nợ	28	18%	
TỔNG CỘNG :		**156**	**100%**	

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2011

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD

TÊN HỌC PHẦN: HÓA ĐẠI CƯƠNG CƠ SỞ — **HỌC KỲ** 3
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 100 — **TÍN CHỈ** 1
Ngày thi: 08/10/2011 — **LẦN THI** 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				15		30						55	100		

Nguyễn Kim Đức **Trần Quốc Bảo** **ThS. Nguyễn Quốc Lâm** **ThS. Nguyễn Hữu Phú**